TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CHÍ LINH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 40/2023/HNGĐ- ST Ngày: 17/8/2023 "V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Linh

2. Ông Nguyễn Trường Ca.

- Thư ký phiên toà: ông Nguyễn Đức Phú - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở TAND thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 264/2023/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2023 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1988.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khu dân cư C, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1982.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khu dân cư C, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và anh M có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, các biên bản lấy lời khai, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H và bị đơn là anh Nguyễn Văn M trình bày: Anh chị tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang ngày 14/11/2007. Sau đó anh chị được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới

theo phong tục địa phương và chung sống với nhau tại gia đình anh Mạnh một thời gian rồi chuyển về gia đình chị Hoài ở khu dân cư C, phường C. Trong quá trình chung sống, vợ chồng đã nảy sinh mâu thuẫn. Theo trình bày của chị H, nguyên nhân mâu thuẫn do không hợp nhau về tính cách, lối sống nên hay xảy ra cãi nhau. Chị đi làm kinh tế vất vả nhưng anh M chi tiêu hết, thậm chí còn nợ nần thêm. Chị đã có lần phải trả nợ thay anh M. Hiện nay, tuy sống chung nhà nhưng chị và anh M đã độc lập về kinh tế, không quan tâm tới nhau. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án cho ly hôn. Anh M cũng thừa nhận, thời gian gần đây vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Mặc dù sống cùng nhà nhưng việc ai người đó làm. Tuy nhiên anh M chưa muốn ly hôn vì công việc gia đình chưa giải quyết xong. Anh M đã nhờ hai bên gia đình hòa giải nhưng chưa có kết quả.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Văn Tiến Đ, sinh ngày 06/8/2008. Khi ly hôn chị H và anh M đều đề nghị giao con chung cho anh M nuôi dưỡng. Anh M không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Bà Vũ Thị H là mẹ đẻ của chị H xác định chị H và anh M về sinh sống với gia đình bà từ năm 2017 đến nay. Trong quá trình chung sống, anh chị có mâu thuẫn do anh M không quan tâm đến vợ con, kinh tế gia đình khó khăn. Hiện nay anh chị đã sống ly thân, không còn sinh hoạt chung. Bà đã nhiều lần khuyên giải nhưng không khắc phục được mâu thuẫn. Anh M và chị H có 1 con chung là Nguyễn Văn Tiến Đ. Bà đề nghị giải quyết việc giao con theo quy định và theo nguyện vọng của con.

- Trưởng khu dân cư C, phường C xác định biết được giữa chị H và anh M có xảy ra mâu thuẫn nhưng không nắm rõ nguyên nhân. Anh chị có 1 con chung là Nguyễn Văn Tiến Đ và anh M đang trực tiếp nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa, anh M chưa nhất trí ly hôn vì muốn giải quyết xong về tài sản của vợ chồng. Nếu chị H kiên quyết ly hôn và Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị H thì anh đề nghị giải quyết phân chia tài sản chung của vợ chồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 58, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của tòa án.

Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, cho chị H được ly hôn với anh M.

- Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Văn Tiến Đ, sinh ngày 06/8/2008 cho anh M tiếp tục nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh M không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không giải quyết.

- Án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị H khởi kiện xin ly hôn, giải quyết về con chung với anh Nguyễn Văn M có địa chỉ thường trú tại phường C, thành phố C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị H đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn M kết hôn ngày 14/11/2017 tại UBND xã T, huyện V, tỉnh B trên cơ sở tự nguyện nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, anh chị đã nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Chị H đi làm xa nhà nên vợ chồng ít có thời gian quan tâm, chăm sóc cho nhau. Đầu tháng 7 năm 2023, anh M yêu cầu chị H về nhà để giải quyết việc gia đình nhưng anh chị không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị được ly hôn với anh M. Anh M muốn Tòa án tạo điều kiện để vợ chồng hòa giải và bản thân anh cũng có tác động với gia đình chị H để khuyên giải, khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Tuy nhiên đến nay tình trạng vợ chồng không thay đổi, chị H vẫn kiên quyết xin ly hôn. Như vậy, hôn nhân của anh chị đã lâm vào trình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: anh chị có 01 con chung là Nguyễn Văn Tiến Đ, sinh ngày 06/8/2008. Hiện cháu Đ đang ở cùng anh M và có nguyện vọng được ở với bố. Cháu Đ có thời gian ở với anh M nhiều hơn, được đảm bảo đầy đủ về cuộc sống và học tập, trong khi chị H thường xuyên đi làm xa, ít ở nhà nên việc giao con cho anh M tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế, với nguyện vọng của con chung, phù hợp với quy định của pháp luật. Anh M tự nguyện không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con. Đây là sự tự nguyện nên cần chấp nhận.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình từ khi Tòa án thụ lý và đến trước khi mở phiên tòa, chị H, anh M yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề này. Theo quy định tại Điều 200 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Vì vậy, yêu cầu của anh M tại phiên tòa về việc phân chia tài sản chung của vợ chồng không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết. Sau này, anh M quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc phân chia tài sản của vợ chồng sau ly hôn bằng 1 vụ án dân sự khác.

[2.4]. Về án phí: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị H;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn M.

2. Về con chung: Giao anh Nguyễn Văn M được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Văn Tiến Đ, sinh ngày 06/8/2008 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc các bên có sự thay đổi khác. Chấp nhận sự tự nguyện của anh M về việc không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Đối trừ vào số tiền 300.000 đồng mà chị H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2022/0000533 ngày 17/7/2023 của Chi cục Thi hành án

dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, chị H đã thi hành xong nghĩa vụ án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Chí Linh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- UBND xã T, huyện V, tỉnh B (số 62/2007);
- Lưu: Tòa án, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Hà